BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Số: 359 /QĐ-ĐHTB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 17 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Tây Bắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/06/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học, ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 23/03/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ "Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học" ban hành theo Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ "Quy chế đào tạo trình độ đại học" ban hành tại Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ "Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ", ban hành tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 ban hành Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 59/2016/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 ban hành Danh mục bí mật nhà nước độ tối mật trong ngành giáo dục và đào tạo của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Tây Bắc".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1168/QĐ-ĐHTB ngày 06/11/2019 về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại

học Tây Bắc.

Điều 3. Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra Pháp chế, Trưởng phòng Đào tạo, trưởng các khoa và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT, BĐCL&TTPC(2b).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Đinh Thanh Tâm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Tây Bắc

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-ĐHTB, ngày 17/05/2021)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1. Cụ thể hóa nhằm triển khai thực hiện đầy đủ các quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sỹ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các nội dung về thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập của sinh viên cao đẳng sư phạm, sinh viên đại học, học viên thạc sỹ (sau đây gọi là sinh viên, học viên hoặc người học) phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường Đại học Tây Bắc, góp phần bảo đảm chất lượng đào tạo.

2. Bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa các đơn vị liên quan trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ về thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học, làm căn cứ để Nhà trường phân công, bố trí, sử dụng nhân lực hợp lý; bảo đảm vai trò và hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường hiệu lực của công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học.

3. Yêu cầu hệ thống lập kế hoạch, các hình thức, các hoạt động đánh giá người học phải bảo đảm yêu cầu chính xác, tin cậy, công bằng, phù hợp với chuẩn đầu ra, có quy trình rõ ràng, công khai, minh bạch; được định kỳ rà soát và điều chỉnh.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về công tác thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ trình độ đại học, cao đẳng, thạc sỹ theo các hình thức chính quy, vừa làm vừa học của Trường Đại học Tây Bắc.

2. Quy định này áp dụng đối với: Giảng viên, sinh viên, học viên, các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc và các cá nhân, đơn vị thuộc cơ sở giáo dục liên kết đào tạo với vai trò đơn vị phối hợp, có tham gia vào việc tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sỹ theo hệ thống tín chỉ.

Điều 3. Đánh giá kết quả học tập

1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải bảo đảm nguyên tắc và yêu cầu sau đây:

a) Nghiêm túc, khách quan, tin cậy và trung thực;

b) Công bằng đối với tất cả sinh viên, học viên trong lớp, giữa các lớp, các

khóa học và các hình thức đào tạo.

2. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi học kỳ chính qua các tiêu chí: Khối lượng học tập đăng ký trong học kỳ, điểm trung bình chung học kỳ, khối lượng kiến thức tích lũy và Điểm trung bình chung tích lũy. Cách tính điểm trung bình chung thực hiện theo quy định của Điều 7 của Quy chế này.

Khối lượng học tập đăng ký trong học kỳ là số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học thành công vào đầu mỗi học kỳ.

Điểm trung bình chung học kỳ/năm học là điểm trung bình có trọng số của điểm của tất cả các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ/năm học đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học, tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

Khối lượng kiến thức tích lũy dùng để xếp trình độ năm học và xếp hạng học lực, xét tốt nghiệp cho sinh viên.

Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét công nhận kết quả học tập và xếp hạng học lực sau kỳ thi kết thúc học phần của học kỳ.

Sinh viên bị cảnh báo học tập sau học kỳ chính nếu vi phạm 2 trong số 3 tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng học tập đăng ký trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 tín chỉ đối với sinh viên đại học, vượt quá 20% số tín chỉ đã học tính từ đầu khóa học đối với sinh viên cao đẳng.

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo. Điểm trung bình chung học kỳ/năm học được sử dụng đánh giá điểm rèn luyện, tiêu chí để xem xét về các chế độ, chính sách hỗ trợ người học.

c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba, dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

Điều 4. Đánh giá học phần

Có ba loại học phần trong các chương trình đào tạo, gồm: Học phần chỉ có lý thuyết; học phần có cả lý thuyết và thực hành; học phần thực hành.

1. Việc đánh giá học phần trong các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng quy định như sau:

a) Đối với các học phần chỉ có lý thuyết và các học phần có cả lý thuyết và thực hành, điểm học phần là trung bình theo trọng số giữa điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần. Các trọng số này được quy định cụ thể trong đề

cương chi tiết của từng học phần trong mỗi chương trình đào tạo, trong đó thi kết thúc học phần là bắt buộc và trọng số của điểm thi kết thúc học phần không dưới 50% điểm học phần, được nhập vào từ điển học phần trên Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo mỗi khi có thay đổi, điều chỉnh chương trình đào tạo. Riêng các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trọng số điểm đánh giá quá trình là 40% và trọng số điểm thi kết thúc học phần là 60% của điểm học phần.

b) Đối với học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

c) Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng để đánh giá không quá 50% trọng số điểm học phần, khi cơ sở hạ tầng kỹ thuật và nền tảng công nghệ thông tin của Trường đáp ứng đầy đủ điều kiện về quản lý và tổ chức đào tạo trực tuyến; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng, bảo đảm, trung thực, công bằng, khách quan như đánh giá trực tiếp và bảo mật trong quản lý kết quả học tập của người học.

2. Việc đánh giá học phần trong các chương trình đào tạo thạc sỹ quy định như sau:

a) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần; kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp…) phù hợp với yêu cầu của học phần; kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

b) Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

Điều 5. Điểm đánh giá quá trình

1. Điểm đánh giá quá trình học tập, trải nghiệm của sinh viên được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả điểm đánh giá bộ phận của học phần, bao gồm:

a) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

b) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận bài trên lớp;

c) Điểm đánh giá phần thí nghiệm, thực hành; làm bài tập; trình bày báo cáo;

d) Điểm chuyên cần trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập và thời gian tham dự học tập trên lớp;

e) Điểm thi/kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận, đồ án môn học.

Trọng số của điểm đánh giá quá trình tối đa bằng 50% của điểm học phần. Riêng đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trọng số này là 40%. Đối với các học phần học chung giữa trình độ đại học và trình độ cao đẳng, tỷ trọng điểm thành phần áp dụng theo quy định của học phần ở trình độ đại học. Tùy theo tính chất của học phần, việc lựa chọn các nội dung đánh giá điểm bộ phận và trọng số tương ứng để cấu thành điểm đánh giá quá trình, cũng như trọng số của điểm đánh giá quá trình trong điểm học phần được quy định cụ thể trong

đề cương chi tiết học phần, do bộ môn và giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt khi ban hành chương trình đào tạo.

2. Việc đánh giá và chấm điểm đánh giá quá trình của sinh viên, điểm kiểm tra thường xuyên của học viên do giảng viên giảng dạy học phần thực hiện. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề, chấm điểm bài kiểm tra, bài thi giữa học phần và cho điểm đánh giá bộ phận. Giảng viên in danh sách lớp học phần từ Cổng thông tin đào tạo trên Trang thông tin điện tử của Trường để theo dõi quá trình học tập của sinh viên và lập bảng điểm bộ phận của điểm đánh giá quá trình cho lớp học phần theo mẫu trong Phụ lục III của Quy chế này. Bảng điểm điểm bộ phận của điểm đánh giá quá trình trong hồ sơ giảng dạy của giảng viên phải có đầy đủ các nội dung đánh giá bộ phận được lựa chọn đối với học phần. Giảng viên thông báo công khai cho người học điểm đánh giá bộ phận, điểm tổng hợp đánh giá quá trình và trực tiếp giải quyết thắc mắc, kiến nghị (nếu có). Trong thời hạn 2 tuần trước khi kết thúc học kỳ, giảng viên nhận bảng điểm đánh giá quá trình theo mẫu chung của Trường từ cán bộ trợ lý khoa để ghi điểm tổng hợp đánh giá quá trình, nộp cho khoa để sắp xếp, phân loại nộp về Phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra Pháp chế trong tuần đầu tiên sau khi kết thúc học kỳ. Sinh viên, học viên chỉ được phép thi, kiểm tra đánh giá quá trình, kiểm tra thường xuyên một lần đối với mỗi bài thi/kiểm tra giữa kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

3. Mọi sinh viên đăng ký học phần đều phải được đánh giá quá trình theo đúng quy định trong đề cương chi tiết học phần, kể cả những sinh viên không tham dự 100% số giờ học tập trên lớp và những sinh viên có tham gia học tập trên lớp nhưng không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần theo các quy định khác.

Điều 6. Thi kết thúc học phần, số lần được dự thi, điều kiện dự thi

1. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần gồm hai đợt (đợt 1 và đợt 2). Đợt 1 là kỳ thi chính, bắt buộc. Đợt 2 là kỳ thi phụ, được tổ chức vào các ngày cuối tuần sau khi kết thúc kỳ thi chính ít nhất 2 tuần, dành cho sinh viên, học viên được hoãn thi ở kỳ thi chính; sinh viên, học viên thi lại nếu điểm học phần sau kỳ thi chính chưa đạt, có nguyện vọng thi lại để đánh giá lại điểm thi kết thúc học phần nhằm cải thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt.

Sinh viên, học viên thi lại phải nộp lệ phí thi theo quy định của Trường.

Kế hoạch tổ chức thi kết thúc học phần được ban hành và công khai trên Cổng thông tin đào tạo của Trường ít nhất 5 tuần đối với kỳ thi chính, ít nhất 2 tuần đối với kỳ thi phụ và học kỳ phụ.

2. Sinh viên, học viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0. Sinh viên, học viên vắng mặt có lý do chính đáng được giải quyết cho hoãn thi, được dự thi, đánh giá ở kỳ thi phụ ngay sau đó hoặc ở một đợt thi khác và được tính điểm thi lần đầu.

4. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần ít nhất 2/3 ngày cho một tín chỉ. Thời gian dành cho ôn thi và thi thực hiện theo kế hoạch thời gian dành cho công

tác đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Kỳ thi bắt đầu sau một tuần kể từ thời điểm kết thúc lịch giảng dạy đối với mỗi lớp học phần.

5. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), thi trắc nghiệm trên máy tính; vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hình thức thi đối với mỗi học phần được Hiệu trưởng phê duyệt trong đề cương chi tiết học phần và được công bố công khai cho người học khi bắt đầu giảng dạy học phần, được thực hiện thống nhất trong cả kỳ thi chính và kỳ thi phụ, không thay đổi trong suốt chu kỳ điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo của ngành học (trường hợp đặc biệt phải có đơn đề nghị của Trưởng khoa và được Hiệu trưởng phê duyệt). Không kết hợp hình thức thi viết tự luận và trắc nghiệm trong cùng một đề thi kết thúc học phần. Thi vấn đáp chỉ áp dụng đối với những học phần cần thiết phải kiểm tra, đánh giá những kỹ năng mà bắt buộc giảng viên phải tiếp xúc trực tiếp với người học mới có thể thực hiện được.

6. Sinh viên, học viên chỉ được dự thi kết thúc học phần nếu đạt đầy đủ các điều kiện sau:

a) Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp thực tế quy định cho từng học phần;

b) Điểm đánh giá quá trình của học phần không dưới 4,0.

Ngay sau khi hoàn thành việc giảng dạy học phần, giảng viên nộp danh sách sinh viên, học viên không đủ điều kiện dự thi cho khoa quản lý giảng dạy học phần kèm theo thông tin giải trình về lý do sinh viên không được dự thi. Khoa tập hợp danh sách toàn bộ sinh viên, học viên không đủ điều kiện dự thi đối với các học phần do khoa quản lý giảng dạy, có đầy đủ thông tin về mã sinh viên, tên, mã học phần và lý do sinh viên, học viên không đủ điều kiện dự thi, gửi bản in do trưởng khoa ký xác nhận kèm theo bản mềm về Phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra Pháp chế để tập hợp trình Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt danh sách sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần. Danh sách sinh viên không được dự thi chính thức phải được cập nhật kịp thời vào Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Trường trước khi in danh sách phòng thi.

Điều 7. Cách tính điểm đánh giá quá trình, điểm học phần, điểm trung bình chung

1. Điểm đánh giá quá trình của sinh viên, điểm kiểm tra thường xuyên của học viên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần đối với các học phần chỉ có lý thuyết và các học phần có cả lý thuyết và thực hành là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần đối với các học phần thực hành được đánh giá theo điểm b, khoản 1, Điều 4 của Quy chế này.

3. Sinh viên, học viên học lại để cải thiện điểm được tính điểm chính thức của học phần là điểm học phần cao nhất trong các lần học.

4. Sinh viên, học viên thi lại nhằm cải thiện điểm học phần từ không đạt

thành đạt, nếu điểm học phần sau khi thi lại là một trong các điểm F, D, C thì được giữ nguyên; nếu là điểm A hoặc điểm B thì sinh viên, học viên sẽ chỉ được công nhận điểm học phần là điểm C.

5. Sinh viên, học viên không đủ điều kiện dự thi học phần nào phải nhận điểm học phần là F và bắt buộc phải học lại học phần đó.

Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

TT	Điểm theo thang điểm 10	Quy đổi thành điểm chữ	Quy đổi theo thang điểm 4	Xếp loại học phần
1	8,5 - 10	A	4	Giỏi
2	7,0 - 8,4	B	3	Khá
3	5,5 - 6,9	C	2	Trung bình
4	4,0 - 5,4	D	1	Trung bình yếu
5	dưới 4,0	F	0	Kém

Các điểm chữ A, B, C, D thuộc loại đạt và điểm F thuộc loại không đạt.

Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học và điểm trung bình chung tích lũy:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

6. Điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số theo thang điểm 4 để tính điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy.

Điểm trung bình chung học kỳ/năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo thang điểm 4, được làm tròn đến 2 chữ số thập phân bằng công thức:

$$A = \frac{(a_1 n_1 + a_2 n_2 + \cdots + a_k n_k)}{(n_1 + n_2 + \cdots + n_k)}$$

Trong đó: A là điểm trung bình chung học kỳ/năm học hoặc điểm trung bình chung tích lũy; a_i là điểm của học phần thứ i; n_i là số tín chỉ của học phần thứ i; k là tổng số học phần.

7. Sinh viên, học viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy theo thang điểm 4 như sau:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

Điều 8. Hội đồng thi kết thúc học phần và các ban của Hội đồng thi

1. Hội đồng thi

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thi kết thúc học phần và các ban của Hội đồng thi để thực hiện các công việc của kỳ thi. Các ban của Hội đồng thi bao gồm: Ban Thư ký; Ban Đề thi; Ban Coi thi; Ban Chấm thi; Ban Phúc khảo bài thi.

a) Thành phần Hội đồng thi: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo được Hiệu trưởng ủy quyền; Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng. Đối với các lớp liên kết đào tạo, Hội đồng thi có thêm một Phó Chủ tịch là thủ trưởng cơ sở giáo dục phối hợp trong liên kết đào tạo; Các ủy viên bao gồm trưởng các phòng Đào tạo; Kế toán Tài chính; Quản trị cơ sở vật chất; trưởng các khoa; Trưởng phòng Đào tạo của cơ sở giáo dục phối hợp trong liên kết đào tạo; Trưởng hoặc Phó Phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra Pháp chế là ủy viên thường trực.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thi: Quyết định và chỉ đạo tổ chức toàn bộ các hoạt động kỳ thi, bao gồm tổ chức ra đề, duyệt đề, in sao, bảo quản đề thi; tổ chức coi thi, bảo quản bài thi; tổ chức chấm thi, chấm phúc khảo theo đúng quy chế; xử lý và quản lý kết quả thi; giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan; xử lý vi phạm theo Quy chế; rà soát, đề xuất cải tiến hình thức và phương pháp tổ chức thi, nâng cao chất lượng đánh giá người học.

c) Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thi: Chỉ đạo tổ chức thực hiện quy chế thi; quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác tổ chức thi của Hội đồng thi; chỉ đạo các ban thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Quy chế này; tổ chức việc tiếp nhận và xử lý thông tin, bằng chứng về vi phạm quy chế thi.

d) Phó Chủ tịch Hội đồng thi thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng thi phân công và thay mặt Chủ tịch Hội đồng thi giải quyết công việc khi được Chủ tịch Hội đồng thi ủy quyền; các ủy viên Hội đồng thi chấp hành phân công của lãnh đạo Hội đồng thi.

Hội đồng thi kết thúc học phần ban hành quyết định thành lập các ban của Hội đồng thi trong thời hạn chậm nhất 2 tuần kể từ ngày ban hành kế hoạch thi đối với kỳ thi chính, ít nhất 1 tuần đối với kỳ thi phụ và học kỳ phụ.

2. Ban Thư ký Hội đồng thi

a) Thành phần: Trưởng ban là Ủy viên thường trực Hội đồng thi kiêm nhiệm; Phó Trưởng ban là Phó Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra Pháp chế